

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ GIẢNG DẠY LỚP THỰC HÀNH TIẾNG ANH TRỰC TUYẾN ĐỒNG SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

NGÔ HUY TÚ* - TRẦN THỊ THANH HƯƠNG**

TÓM TẮT: Trong giảng dạy kĩ năng tiếng Anh, lớp đồng sinh viên luôn là nỗi trăn trở của giảng viên. Bối cảnh lớp đồng trực tuyến càng tiềm ẩn nhiều khó khăn cho giảng viên hơn. Nghiên cứu này khảo sát ý kiến của 60 giảng viên dạy các môn thực hành tiếng Anh tại một số trường Đại học ở Việt Nam về các vấn đề trong giảng dạy trực tuyến cho các lớp đồng sinh viên thông qua một bảng hỏi được cấu trúc kèm theo một số câu hỏi mở. Nghiên cứu này chỉ ra rằng hầu hết các giảng viên đều gặp phải nhiều vấn đề khác nhau về khía cạnh kĩ thuật và công nghệ, việc duy trì kỉ luật lớp học, mức độ chú ý tới cá nhân người học, phản hồi cho sinh viên về bài kiểm tra và sức khỏe tinh thần của giảng viên. Từ đó, nghiên cứu khuyến nghị cần phải tập huấn chuyên sâu hơn cho giảng viên về cách thức làm việc với lớp đồng trực tuyến, hỗ trợ giảng viên và đặc biệt là phát triển nhiều hoạt động ngôn ngữ sáng tạo nhằm cải thiện chất lượng dạy học trong điều kiện làm việc từ xa trên nền tảng giảng dạy trực tuyến.

TỪ KHÓA: lớp đồng sinh viên; thực hành tiếng Anh; giảng dạy trực tuyến; kỉ luật lớp học; phản hồi; sức khỏe tinh thần.

NHẬN BÀI: 15/5/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 7/7/2022

1. Đặt vấn đề

Sự bùng phát của đại dịch Covid-19 từ cuối năm 2020 đã tác động sâu sắc đến hoạt động ở hầu hết các lĩnh vực và giáo dục cũng không nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng. Các trường học đã phải tạm ngưng hoạt động và chuyển sang tổ chức giảng dạy và học tập theo hình thức trực tuyến suốt nhiều tháng. Trong tình hình đó, khi mọi giải pháp chủ yếu là mang tính tình thế, thực trạng lớp học đồng sinh viên vốn trước đây là một thử thách không nhỏ của giảng viên, bây giờ dường như càng trở thành một vấn đề đau đầu. Những khó khăn trong việc dạy lớp đồng trực tuyến khá đa dạng, bao gồm từ việc quản lí lớp, phương pháp tiếp cận giảng dạy, cho đến các vấn đề về kĩ thuật. Việc giảng dạy tiếng Anh nói chung và giảng dạy thực hành tiếng (các kĩ năng ngôn ngữ) đã khó càng thêm khó trong điều kiện học tập từ xa và lớp đồng sinh viên. Nghiên cứu này tập trung vào việc xem xét kĩ lưỡng những khó khăn trong việc giảng dạy ngoại ngữ trực tuyến ở bậc đại học. Cụ thể, chúng tôi tìm hiểu ý kiến của các giảng viên tại một số trường đại học ở Việt Nam về các vấn đề về kĩ thuật, sự truyền đạt, tương tác, quản lí, kiểm tra, đánh giá và tâm lí của giảng viên khi giảng dạy các lớp thực hành tiếng trực tuyến đồng sinh viên; trên cơ sở đó, đưa ra một số khuyến nghị để giải quyết các vấn đề nổi bật khi giảng dạy thực hành tiếng Anh lớp đồng trực tuyến.

2. Mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

Mục tiêu: Khảo sát thực trạng giảng dạy tiếng Anh lớp đồng trực tuyến thông qua nhận thức của giảng viên tại một số trường đại học ở Việt Nam và vấn đề họ thường gặp phải khi giảng dạy các lớp này, đồng thời tìm hiểu các biện pháp mà họ thường áp dụng, từ đó đưa ra một số khuyến nghị dựa trên bằng chứng nghiên cứu.

Câu hỏi nghiên cứu: Giảng viên tiếng Anh ở trường đại học: 1/Nhận thức như thế nào về lớp đồng trực tuyến?; 2/Gặp những vấn đề gì khi tiến hành dạy lớp đồng trực tuyến?; 3/Đề xuất những biện pháp gì để giải quyết khó khăn trong giảng dạy lớp đồng thực hành tiếng trực tuyến?

Phương pháp nghiên cứu:

Đối tượng tham gia: Khảo sát này thực hiện chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện. Kết quả có 60 giảng viên thuộc 15 trường đại học và trường đại học thành viên của Đại học Thái Nguyên và Đại học Quốc gia Hà Nội tham gia trả lời khảo sát. 28,3% từ 40 tuổi trở lên, 25% từ 30 đến 35 tuổi, 21,7% từ 25 đến 30 tuổi, 20% từ 35 đến dưới 40 tuổi và chỉ 5% từ 20 đến dưới 25 tuổi. Đa số có bằng Thạc sĩ (80%), số ít khác có bằng tiến sĩ (13,3%) và cử nhân (6,7%). Trong số 60 người trả lời khảo sát,

* Trường Đại học Đại Nam, Hà Nội; Email: ngohuytu@gmail.com

** TS; Trường Đại học Phenikaa, Hà Nội; Email: huong.tranthithanh@phenikaa.uni.edu.vn

56,7% có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, 31,7% có chứng chỉ TESOL (Giảng dạy tiếng Anh cho người sử dụng các ngôn ngữ khác). Một đến hai giảng viên khác có chứng chỉ CELTA (Giảng dạy tiếng Anh cho người lớn), TEFL (Giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ) hoặc tốt nghiệp đại học chuyên ngành sư phạm tiếng Anh. Họ cũng được yêu cầu tự đánh giá năng lực sử dụng công nghệ thông tin của mình trên thang điểm từ 1 (thấp nhất) đến 10 (cao nhất). 36,7% tự đánh giá ở mức 7 điểm, 31,7% tự chấm 8 điểm, 19,7% cho rằng năng lực sử dụng CNTT của họ chỉ đạt 6 điểm. 8,3% tự tin với năng lực sử dụng CNTT ở mức giỏi là 9 điểm, 3,3% tự chấm bản thân được 10 điểm. Chỉ một đến hai giảng viên cho rằng khả năng công nghệ của họ chỉ đạt 4 hoặc 5 điểm. Đa số giảng viên có kinh nghiệm sử dụng ứng dụng Zoom (89,8%) và MS Teams (76,3%). Khoảng 46% có sử dụng Google Meet, 15,3% từng sử dụng Skype.

Phương pháp nghiên cứu: Đây là một nghiên cứu mô tả cắt ngang (cross-sectional study) theo cách thức chọn mẫu ngẫu nhiên thuận lợi. Công cụ thu thập dữ liệu gồm một phiếu khảo sát dưới dạng biểu mẫu trực tuyến Google Form gửi tới giảng viên dạy thực hành tiếng Anh tại một số trường đại học trong nước (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Thái Nguyên, Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Vinh, Trường Đại học Đại Nam, Trường Đại học Phenikaa, Trường Đại học Thăng Long, Trường Đại học Kinh doanh Công nghệ,...). Ngoài các câu hỏi về thông tin nền (độ tuổi, trình độ, nghiệp vụ, nơi công tác, kinh nghiệm thường xuyên sử dụng các ứng dụng dạy học trực tuyến, năng lực sử dụng CNTT), phiếu khảo sát gồm các câu hỏi về quan điểm với lớp đông sinh viên và tần suất trải nghiệm giảng dạy lớp đông, đánh giá so sánh mức khó khăn trong giảng dạy lớp đông trực tuyến so với lớp đông thông thường. Nội dung chính của phiếu khảo sát tập trung tìm hiểu 05 nhóm vấn đề về (1) kỹ thuật/ công nghệ, (2) duy trì kỷ luật, (3) giảng dạy, (4) kiểm tra, đánh giá, (5) sức khỏe thể chất, tinh thần và đánh giá sự khó khăn đối với việc giảng dạy 4 kỹ năng thực hành tiếng tại các lớp đông trực tuyến. Bên cạnh các câu hỏi đóng, phiếu khảo sát còn sử dụng các phương án mở nhằm thu thập ý kiến định tính (người trả lời tự ghi ý kiến cá nhân vào chỗ trống).

Nghiên cứu này thực hiện điều tra ý kiến của giảng viên tại thời điểm các trường đại học trên cả nước đã trải qua một thời gian dài giảng dạy trực tuyến như một biện pháp tình thế trong bối cảnh bị ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19. Thời gian khảo sát là tháng 02/2022.

3. Tổng quan tài liệu

3.1. Khái niệm “lớp đông”

Nhìn chung, có hai cách gọi lớp học đông. Cách thứ nhất là “*crowded class/ classroom*” hoặc “*over-crowded class/ classroom*” (lớp/lớp học đông đúc), của một số tác giả như Küçükler & Kodal (2019), Makielski, A. (2018), May, L. (2018), và Khan & Iqbal (2012). Cách gọi thứ hai phổ biến hơn, đó là “*large/larger/large-size/oversized class*” (lớp/ lớp học lớn/ cỡ lớn/ quá cỡ) [Todd, 2012; Mulryan-Kyne, 2010; LoCastro, 2001; Hayes, 1997].

Nghiên cứu của chúng tôi sử dụng khái niệm “*large class*”, nhưng chấp nhận thuật ngữ tương đương là “*lớp đông*”, do diện khảo sát là lớp học trực tuyến, không phải không gian lớp học truyền thống. Khái niệm “*lớp đông*” được các nhà nghiên cứu trên thế giới xác định theo nhiều cách khác nhau, có thể tựu chung lại thành hai nhóm, đó là quan điểm định lượng và quan điểm định tính về “*lớp đông*”.

Các quan điểm xác định thế nào là “lớp đông” có tính định lượng: đến nay vẫn rất khác nhau [LoCastro, 2001; Shehu & Tafida, 2016]. Quy mô lớp học 40 đến 60 sinh viên/lớp là con số trung bình mà Todd (2012) tổng hợp qua tài liệu của nhiều tác giả khác. Đa số các tác giả cũng cho rằng con số chỉ là tương đối, phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thời điểm, khu vực địa lý, kinh nghiệm của giáo viên, mục tiêu học phần, độ tuổi của người học, v.v. [Todd, 2012; LoCastro, 2001; Shehu & Tafida, 2016]. Ở các nước phát triển, một lớp khoảng 30 học viên có thể là lớp đông và phải điều chỉnh hoặc giảm bớt số lượng [Bendow và đồng tác giả, 2007].

Quan điểm theo khuynh hướng định tính nhìn nhận về lớp đông dựa trên cảm nhận của giáo viên và hiệu quả của lớp học. Chẳng hạn, LoCastro, 2001 cho rằng một lớp đông là lớp mà các nguồn lực không thể hỗ trợ cho số lượng sinh viên trong lớp học đó, hoặc số lượng sinh viên là con số mà giáo viên không ưa thích hoặc không có khả năng quản lý. Như vậy, một lớp học được coi là quá đông khi

số lượng học sinh thực tế vượt quá mong đợi của giáo viên [Küçükler & Kodal, 2019]. Quan điểm khác cho rằng lớp đông là lớp có số lượng học sinh vượt ngưỡng tối ưu mà có thể gây cản trở cho quá trình dạy và học [Khan & Iqbal, 2012]. Quan sát thực tế cho thấy ở các trường Đại học ở Việt Nam, các lớp thực hành tiếng Anh gồm nhiều hơn 30 sinh viên, thậm chí con số có thể lên tới 35, 40.

3.2. Ảnh hưởng của lớp đông

Các nghiên cứu trên thế giới thường nhận định rằng giáo viên có thái độ tiêu cực về việc dạy ở lớp học đông [Shehu & Tafida, 2016; Hayes, 1997; LoCastro, 1989].

Các vấn đề của lớp học đông học sinh sinh viên nhìn chung có thể chia thành 3 nhóm:

- *Các vấn đề về giảng dạy* (chẳng hạn khó khăn về giám sát hoạt động lớp và phản hồi [Devi, 2016; LoCastro, 1989], kiểm tra đánh giá [Hayes, 1997]; thực hành các kỹ năng giao tiếp [LoCastro, 1989]; cá nhân hóa [LoCastro, 1989]; hoặc thiếu thời gian giảng dạy [Bendow và đồng tác giả, 2007].

Trong một báo cáo nghiên cứu, tác giả cho biết trong lớp đông, những học sinh yếu kém cần được hướng dẫn trực tiếp thì càng bị tụt lại phía sau [Leah, 2018]. Học sinh hoạt động tốt hơn khi giáo viên có thể đưa ra các hướng dẫn riêng cho từng cá nhân hoặc nhóm nhỏ [Makielski, 2018]. “*Các lớp đông cản trở giảng viên không đa dạng hóa hoạt động giảng dạy, tương tác cá nhân với sinh viên, và phản hồi chi tiết về hoạt động của sinh viên được*” [Lê Thị Thùy Nhung, 2019, tr.122, trong Le Van Canh và đồng tác giả, 2019].

Công tác đánh giá học sinh khác nhau đáng kể giữa các lớp lớn so với lớp nhỏ. Sự tương tác giữa giáo viên và học sinh, dù bằng miệng hoặc bằng văn bản, giúp học sinh chuyên tâm hơn vào việc học và tạo động lực cho học sinh hoàn thành các nhiệm vụ học tập, phát triển tư duy phân biện và hoài bão lớn hơn. Sự thiếu vắng các phản hồi tới từng học sinh có thể dẫn đến các hiện tượng như bỏ học, hiệu suất học tập kém, không hoàn thành nhiệm vụ học tập và giảm cảm hứng với việc học. Với một lớp học đông, giáo viên không thể đánh giá và phản hồi học sinh một cách liên tục [Leah, 2018]. Trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh ở Việt Nam “*lớp quá đông cũng khiến cho giảng viên khó tổ chức các hoạt động kiểm tra đánh giá*” [Lê Thị Thùy Nhung, 2019, tr.123, trong Le Van Canh và đồng tác giả, 2019].

- *Các vấn đề về quản lý lớp* [LoCastro, 1989], chẳng hạn tiếng ồn [LoCastro, 1989], khó chú ý đến tất cả sinh viên [Hayes, 1997; LoCastro, 1989].

Quản lý lớp học là tất cả những việc mà giáo viên làm để sắp xếp không gian, thời gian và tài liệu để việc học có thể diễn ra. Một số sinh viên nhận cơ hội lớp đông trốn học. Vì vậy, tình trạng quá đông dẫn đến tỉ lệ nghỉ học của học sinh cao lên [Makielski, 2018].

Nếu học sinh quá đông, tiếng ồn trong lớp lớn và giáo viên khó có thể kiểm soát được. Phòng học lớn hơn dẫn đến khiến học sinh khó khăn trong việc tập trung và hiểu bài giảng, đồng thời giáo viên cũng khó khăn hơn trong việc giảng bài [Makielski, 2018].

Tình trạng quá tải làm gia tăng tình trạng khó xử về kỉ luật lớp học. Nhiều sinh viên hơn sẽ gia tăng khả năng xung đột nhân cách, căng thẳng và các hành vi gây rối. Cuối cùng giáo viên phải dành nhiều thời gian để quản lý lớp học hơn là giảng dạy và đào tạo [May, 2018].

- *Các vấn đề về cảm xúc - sức khỏe tâm thần* [LoCastro, 1989], chẳng hạn khó thuộc tên sinh viên, khó thành lập mối quan hệ tốt với sinh viên, không hỗ trợ được các cá nhân sinh viên cần giúp đỡ, khó lắng nghe, bao quát lớp [LoCastro, 1989], khó chịu do căng thẳng [Hayes, 1997], khó giảng dạy đối tượng sinh viên đa dạng về nhu cầu và mối quan tâm [LoCastro, 1989]. Trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh “*giáo viên thường thấy mình phải đương đầu với các lớp đông với toàn sinh viên thiếu động lực trong trường học trang thiết bị còn thiếu thốn*” [Le Van Canh và đồng tác giả, 2019, tr.74]. Lớp đông không chỉ ảnh hưởng tới quá trình thực hành tiếng Anh của người học mà giáo viên còn phải đối mặt với nhiều vấn đề. Các khó khăn về kỉ luật quản lý lớp, việc kiểm soát hành vi của học sinh khiến giáo viên bị căng thẳng. Việc giảng dạy trong một lớp học quá đông sẽ khiến giáo viên nản lòng, choáng ngợp và căng thẳng [Shah và Inamullah, 2012].

3.3. Ảnh hưởng của lớp đông trực tuyến

Giảng dạy trực tuyến thường được cho là có lợi cho việc học tiếng Anh. Tuy nhiên hiệu quả của việc học tiếng Anh trực tuyến phụ thuộc vào sự tương tác của người học và nhiều yếu tố khác nữa -

chẳng hạn hiệu quả năng lực bản thân và sự tự tin của giảng viên trong việc sử dụng công nghệ giảng dạy [Zou B. và đồng tác giả, 2021, tr.1-3].

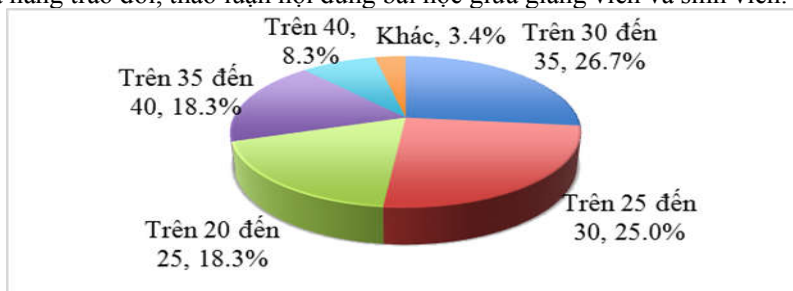
Cho đến nay, có rất ít nghiên cứu về ảnh hưởng của lớp đông trực tuyến. Trong bối cảnh giảng dạy có sự hỗ trợ của công nghệ, Nguyễn Thị Hồng Nhật dẫn nguồn của Egbert (2010) cho thấy lớp đông là một trong những thách thức mà giáo viên ở hầu khắp thế giới phải trải qua khi giảng dạy ngôn ngữ với sự hỗ trợ của máy tính (CALL) và tác giả khẳng định ở Việt Nam cũng có các vấn đề tương tự. Khi giảng dạy theo phương pháp tiếp cận có sự hỗ trợ của máy tính (CALL), tình trạng lớp đông cũng xuất hiện trong danh sách các vấn đề bên cạnh các bất cập còn tồn tại phổ biến về trình độ chuyên môn, công nghệ, phương tiện kỹ thuật, nguồn lực,...[Nguyễn Thị Hồng Nhật, 2019, tr.135, trong Lê Văn Canh và đồng tác giả, 2019].

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Quan niệm của giảng viên về lớp đông và tần suất dạy lớp đông trực tuyến

Kết quả khảo sát cho thấy hơn một nửa số giảng viên cho rằng lớp đông là trên 25-35 sinh viên. Số giảng viên cho rằng lớp đông gồm từ trên 20 đến 25 hoặc trên 35 đến 40 sinh viên chiếm 18,3%.

Kết quả này tương đối khớp với định nghĩa về lớp đông của Küçükler & Kodan (2019) đưa ra, nêu rõ ở bậc đại học lớp đông được định nghĩa là lớp tầm từ 30-33 sinh viên [Küçükler & Kodan, 2019, tr.169]. Lớp từ 25 sinh viên trở lên thường gây ra khó khăn cho sinh viên tiếp thu bài giảng và hạn chế đáng kể khả năng trao đổi, thảo luận nội dung bài học giữa giảng viên và sinh viên.



Biểu đồ 1. Nhận định của GV về lớp đông theo sĩ số SV

(Nguồn: Số liệu do các tác giả bài viết này thu thập và phân tích)

Dữ liệu ở Bảng dưới đây cho thấy đa số giảng viên luôn luôn hoặc thường xuyên phải dạy lớp đông (lần lượt là 23,3% luôn luôn và 31,7% thường xuyên), tập trung vào các giảng viên đã cho rằng lớp đông là có sĩ số 20-25, 25-30 hoặc 35-40 sinh viên/lớp. Có 40% giảng viên thỉnh thoảng dạy lớp đông, và đáng chú ý là một nửa trong số đó đã nhận định lớp đông có sĩ số 30-35 sinh viên/lớp. Từ ý kiến của người trả lời, có thể thấy đối với giảng viên, sĩ số trên 25 sinh viên/lớp là mô hình lớp đông, và đây chính là mô hình lớp phổ biến trong khối thực hành tiếng Anh ở bậc đại học hiện nay.

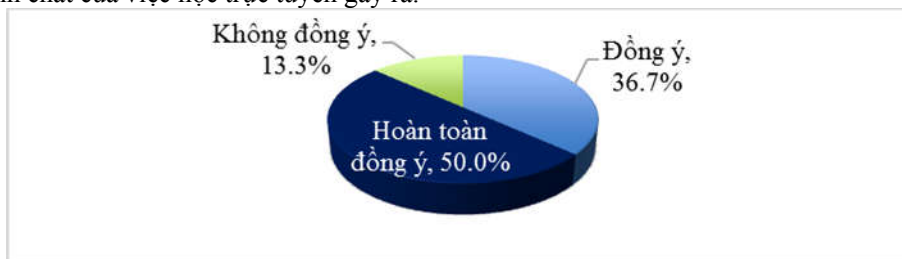
Bảng: Tần suất dạy lớp đông của giảng viên xét theo nhận định về sĩ số

	Tần suất dạy				Tổng
	Luôn luôn	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	
Khác	1,7%	1,7%	0,0%	0,0%	3,4%
Trên 20 đến 25	6,7%	8,3%	3,3%	0,0%	18,3%
Trên 25 đến 30	6,7%	11,7%	6,7%	0,0%	25,0%
Trên 30 đến 35	1,7%	3,3%	20,0%	1,7%	26,7%
Trên 35 đến 40	5,0%	5,0%	6,7%	1,7%	18,3%
Trên 40	1,7%	1,7%	3,3%	1,7%	8,3%
Tổng	23,3%	31,7%	40,0%	5,0%	100,0%

(Nguồn: Số liệu do các tác giả bài viết này thu thập và phân tích)

Đa phần giảng viên nhận định rằng so với lớp đông trực tiếp, giảng dạy ở lớp đông sinh viên học trực tuyến gặp nhiều khó khăn hơn, trong đó mức độ “hoàn toàn đồng ý” chiếm một nửa, trong khi

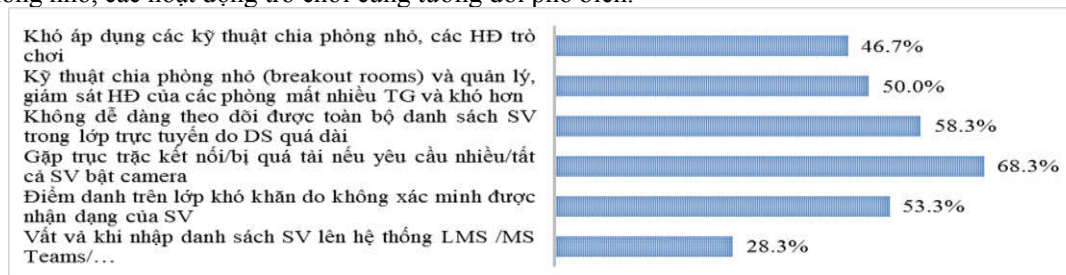
đó chỉ 13,3% giảng viên không đồng ý với ý kiến này. Kết quả này được giải thích bằng những khó khăn do tính chất của việc học trực tuyến gây ra.



Biểu đồ 2. Ý kiến về nhận định rằng giảng dạy ở lớp đông trực tuyến gặp nhiều khó khăn hơn so với lớp đông thông thường

4.2. Các vấn đề về kỹ thuật

Nhìn chung, các vấn đề về kỹ thuật rất phổ biến trong bối cảnh giảng dạy thực hành tiếng lớp đông trực tuyến. Dữ liệu ở biểu đồ 3 cho thấy 68,3% giảng viên gặp trục trặc kết nối hoặc quá tải khi yêu cầu nhiều hoặc tất cả sinh viên bật camera. Đây cũng là vấn đề kỹ thuật hay gặp nhất. 58,3% giảng viên cho biết họ không dễ dàng theo dõi được toàn bộ danh sách sinh viên trong lớp trực tuyến do DS quá dài. Trên một nửa số giảng viên cho biết họ gặp các vấn đề như điểm danh trên lớp khó khăn do không xác minh được nhận dạng của SV, giám sát hoạt động của các phòng mất nhiều thời gian và khó hơn. Việc khó áp dụng các kỹ thuật chia phòng nhỏ, các hoạt động trò chơi cũng tương đối phổ biến.



Biểu đồ 3. Các vấn đề kỹ thuật thường gặp do lớp đông

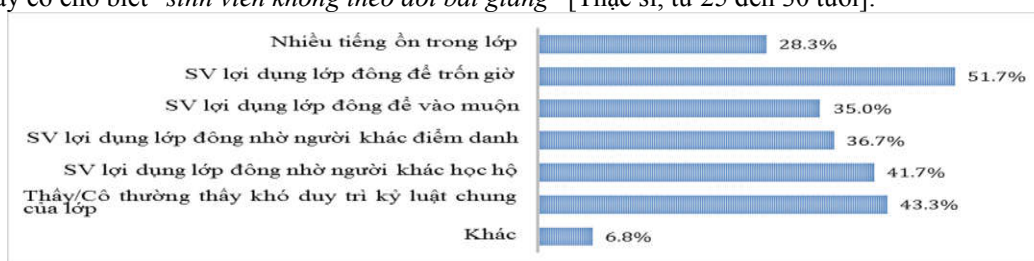
Trong số 6 vấn đề được khảo sát trên, đa số giảng viên cho biết họ thường gặp từ 2 vấn đề trở lên. Chỉ có 20% trong số người trả lời thường xuyên gặp 1 vấn đề. Một phần tư trong số các giảng viên được khảo sát gặp 3 vấn đề về kỹ thuật/công nghệ cùng một lúc. Có thầy cô cho biết “*Quá nhiều sinh viên và thời gian chết do đường truyền làm ảnh hưởng đến chất lượng*” [Thạc sĩ, từ 30 đến dưới 35 tuổi]. Một giảng viên cho rằng thầy cô “*chỉ cần mạng tốt, kết nối tốt*” [Thạc sĩ, từ 35 đến dưới 40 tuổi]. Có thầy cô nêu ý kiến rằng “*lớp học chỉ từ 20 đến 25 sinh viên, yêu cầu tất cả bật cam, có đủ thiết bị cho học tập*” [Thạc sĩ, trên 40 tuổi]. Khi được hỏi đóng góp ý kiến giải quyết vấn đề, các giảng viên thường đề cập đến tập huấn và hỗ trợ về trang thiết bị. Chẳng hạn, một người cho biết “*giáo viên (cần thường xuyên) tham gia các hội thảo về giảng dạy trực tuyến (để học hỏi về) phương pháp, (nghe giới thiệu về) công cụ hỗ trợ, (và biết được thông tin về) các phần mềm ứng dụng*” [Tiến sĩ, trên 40 tuổi]. Quá nhiều sinh viên và thời gian chết do đường truyền làm ảnh hưởng đến chất lượng, ý thức sinh viên quyết định phần lớn kết quả học tập [Thạc sĩ, từ 30 đến dưới 35 tuổi]

4.3. Các vấn đề về quản lý lớp học

Kết quả khảo sát của chúng tôi chỉ ra rằng vấn đề về kỉ luật của lớp đông trực tuyến không nằm ở việc kiểm soát lớp học mà nằm ở chất lượng của sự tham gia trong lớp (người học có hiện tượng học thay, học hộ, trốn học, bỏ giờ...). Tỷ lệ giảng viên thấy khó kiểm soát lớp khá thấp có thể xuất phát từ lý do là trên giao diện trực tuyến, quyền quản lý lớp cao hơn. Theo kết quả nghiên cứu của Khan & Iqbal (2012), tất cả giáo viên gặp khó khăn khi duy trì kỉ luật lớp đông trực tiếp (100%). Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ này ở lớp đông trực tuyến chỉ ở mức 43,3%. Điều này có lẽ là do ở lớp

đồng trực tiếp, sinh viên nói chuyện hoặc làm việc riêng gây mất trật tự, giảng viên khó kiểm soát. Trong khi đó, ở lớp trực tuyến, sinh viên thường tắt camera và mic và giảng viên được trao quyền kiểm soát cao, có thể tắt mic của toàn bộ sinh viên nhanh chóng bất kể lúc nào, nên không gây nhiều tiếng ồn trong lớp. Tuy nhiên, như một giảng viên phản ánh, vấn đề kéo theo lại là “do các lớp đồng trực tuyến thường tắt camera, tôi khó giám sát các hoạt động và việc làm bài tập của sinh viên hơn” [Thạc sĩ, từ 25 đến 30 tuổi].

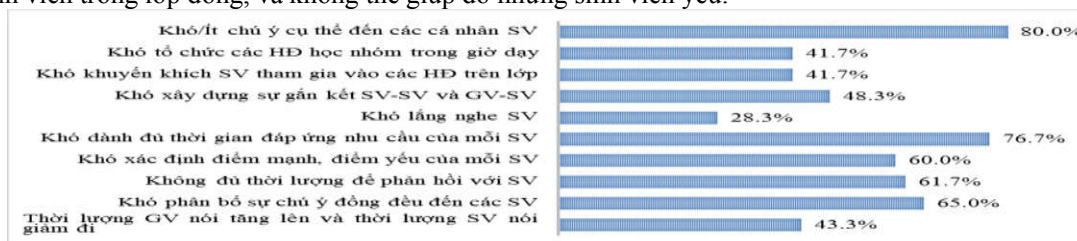
Hiện tượng sinh viên lợi dụng lớp đồng trực tuyến để trốn giờ tương đối phổ biến. Trên 50% giảng viên phản ánh điều này. Các vấn đề khác như sinh viên lợi dụng lớp đồng để vào muộn, nhờ người khác điểm danh, hoặc nhờ người khác học hộ cũng tương đối đáng kể, từ 35 đến 41,7% số lượng giảng viên phản ánh tình trạng này. Ngoài ra còn có các vấn đề như sinh viên không chịu theo dõi bài giảng, hoặc lợi dụng sự cố mạng để không tham gia hoạt động học tập [Thạc sĩ, trên 40 tuổi], và có thầy cô cho biết “sinh viên không theo dõi bài giảng” [Thạc sĩ, từ 25 đến 30 tuổi].



Biểu đồ 4. Các vấn đề về duy trì kỷ luật lớp đồng trực tuyến

4.4. Các vấn đề về giảng dạy thực hành tiếng ở lớp đồng trực tuyến

Hai trong những khó khăn nổi bật về giảng dạy tại các lớp đồng trực tuyến là giảng viên khó chú ý cụ thể đến các cá nhân sinh viên và khó dành đủ thời gian đáp ứng nhu cầu của mỗi sinh viên. Đa phần (xấp xỉ 80%) giảng viên gặp hai vấn đề này. Trên 60% giảng viên gặp các vấn đề khác như khó xác định điểm mạnh, điểm yếu của mỗi sinh viên, không đủ thời lượng để phản hồi với sinh viên, hoặc khó phân bổ sự chú ý đồng đều đến các sinh viên. Trên 40% giảng viên cảm thấy khó tổ chức các hoạt động học nhóm trong giờ dạy, khó khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động trên lớp, khó xây dựng sự gắn kết sinh viên-sinh viên và giáo viên-sinh viên và thời lượng giáo viên nói tăng lên và thời lượng sinh viên nói giảm đi (Biểu đồ 5). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Khan & Iqbal (2012) với kết luận rằng hầu hết giảng viên gặp khó khăn khi chú ý, quan tâm đến từng sinh viên trong lớp đồng, và không thể giúp đỡ những sinh viên yếu.

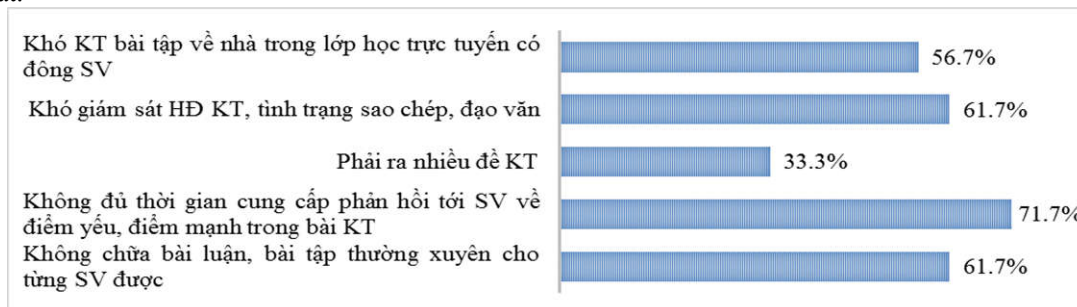


Biểu đồ 5. Các vấn đề về giảng dạy lớp đồng trực tuyến

4.5. Các vấn đề về kiểm tra đánh giá

Việc kiểm tra đánh giá sinh viên thực sự là một vấn đề lớn. Trên 70% giảng viên cho biết họ không đủ thời gian cung cấp phản hồi tới sinh viên về điểm yếu, điểm mạnh trong bài kiểm tra. Hơn 60% giảng viên cảm thấy khó giám sát hoạt động kiểm tra, tình trạng sao chép, đạo văn và không chữa bài luận, bài tập thường xuyên cho từng sinh viên được. Số lượng giảng viên cảm thấy khó kiểm tra bài tập về nhà chiếm 56,7%, trong khi 1/3 số giảng viên tham gia khảo sát cho biết họ phải ra nhiều đề kiểm tra trong lớp đồng trực tuyến.

Những vấn đề về kiểm tra đánh giá cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Khan & Iqbal (2012). Theo nghiên cứu này, 100% giảng viên gặp khó khăn trong việc kiểm tra đánh giá lớp đồng trực tiếp, đặc biệt là vấn đề kiểm tra và đưa ra phản hồi về bài tập giao về nhà và việc tiến hành kiểm tra trên lớp. Điểm khác biệt là vấn đề về khó giám sát hoạt động kiểm tra và tình trạng sao chép, đạo văn. Vấn đề này ở lớp đồng trực tuyến hết sức nổi bật, trong khi ở lớp trực tiếp vẫn trong tầm kiểm soát.



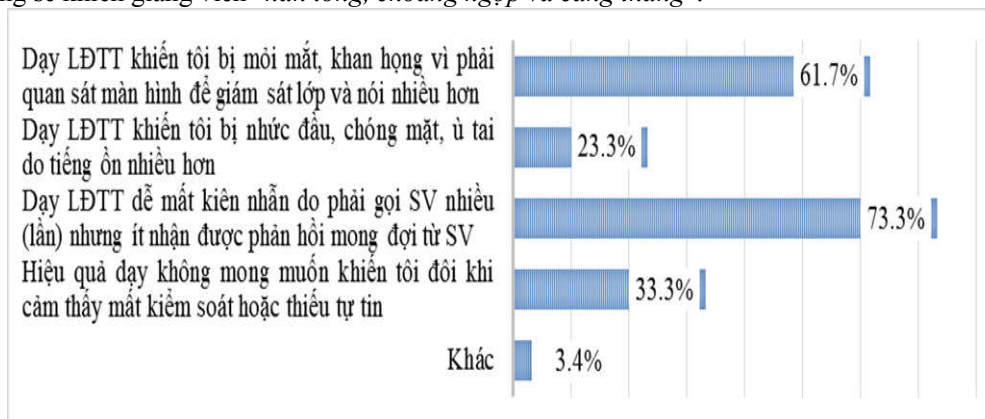
Biểu đồ 6. Các vấn đề về kiểm tra đánh giá

Có giảng viên nhận định thẳng thắn rằng kiểm tra đánh giá trong các lớp đồng sinh viên học trực tuyến “khó kiểm soát sinh viên làm bài nghiêm túc” [Thạc sĩ, trên 40 tuổi].

4.6. Các vấn đề về tâm lý, sức khỏe của giảng viên

Một vấn đề nổi trội của việc dạy lớp đồng trực tuyến là giảng viên dễ mất kiên nhẫn do phải gọi sinh viên nhiều lần nhưng ít nhận được phản hồi mong đợi từ sinh viên. Có tới 73,3% giảng viên phản ánh điều này. 1/3 số lượng giảng viên tham gia khảo sát cho biết hiệu quả dạy không mong muốn khiến họ đôi khi cảm thấy mất kiểm soát hoặc thiếu tự tin. Về mặt sức khỏe thể chất, hơn 60% giảng viên cho biết họ bị mỏi mắt, khan giọng vì phải quan sát màn hình để giám sát lớp và nói nhiều hơn. Các hiện tượng khác như nhức đầu, chóng mặt, ù tai do dạy lớp đồng trực tuyến ít phổ biến hơn, chiếm 23,3%.

Kết quả này cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Shah và Inamullah (2012) khi cho biết lớp học đồng sẽ khiến giảng viên “nản lòng, choáng ngợp và căng thẳng”.

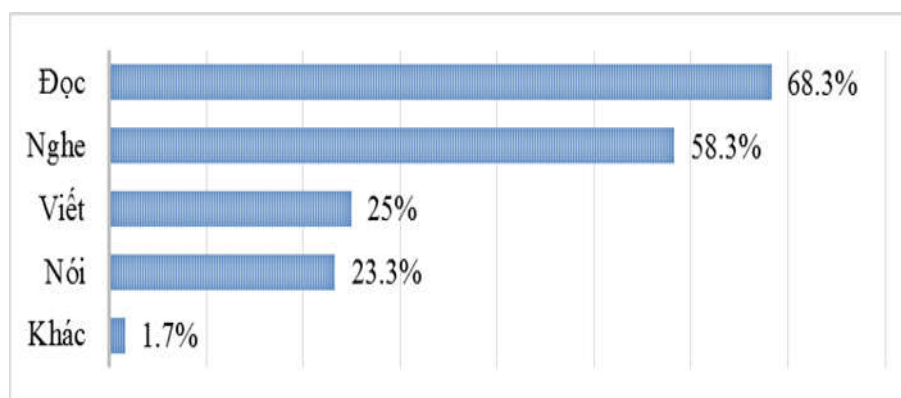


Biểu đồ 7. Các vấn đề về tâm lý, sức khỏe của giảng viên

4.7. Các kỹ năng thực hành tiếng khó triển khai trên nền tảng giảng dạy trực tuyến

Ở lớp đồng thông thường giảng viên thực hành tiếng phải đối mặt với nhiều khó khăn. “Số lượng SV trong lớp học đông dẫn đến khó khăn trong tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng nói... Chỉ có 10% SV tham gia khảo sát có thể học tập tốt, thích nghi được với môi trường lớp học đồng SV ở bậc đại học” [Trương Trần Minh Nhật, 2018, tr.56]. Đối với lớp học trực tuyến, thực hành tiếng càng trở thành nỗi trăn trở rất lớn của giảng viên.

Trong khảo sát của chúng tôi, khi được hỏi kỹ năng thực hành tiếng nào giảng viên thấy dễ triển khai hơn khi họ giảng dạy lớp đông trực tuyến, đại đa số đều cho rằng các kỹ năng tiếp thu (receptive skills) dễ dàng hơn so với các kỹ năng sản xuất (productive skills). Có tới 68,3% giảng viên cho rằng kỹ năng Đọc dễ dàng đưa vào dạy online hơn. Kỹ năng Nghe cũng chiếm tới 58,3% các ý kiến đồng ý rằng đây là kỹ năng dễ thực hiện trong lớp đông trực tuyến. Kỹ năng Nói được cho là khó triển khai nhất, chỉ chiếm 23,3% số ý kiến cho rằng kỹ năng này dễ triển khai. Kỹ năng Viết cũng chỉ nhận được 25% ý kiến cho rằng đây là kỹ năng dễ triển khai. Có ý kiến khác của một giảng viên (chiếm 1,7%) cho rằng các kỹ năng này đều dễ triển khai như nhau. Kỹ năng Đọc chỉ đòi hỏi trình chiếu chữ hoặc hình ảnh trên slides, cũng có thể gửi tới từng sinh viên và các thao tác xử lý quá trình đọc hiểu không quá khó khăn. Kỹ năng Nghe yêu cầu sự đồng bộ về âm thanh, hình ảnh, chữ viết, do đó có khó khăn hơn so với kỹ năng Đọc. Tuy nhiên, so với hai kỹ năng còn lại thì Kỹ năng Đọc và Nghe có lợi thế là triển khai đồng loạt, có thể yêu cầu toàn bộ sinh viên làm việc cùng một lúc và phản hồi nhất quán, tổng hợp hoặc cụ thể đều có thể tiến hành khá dễ dàng. Đối với kỹ năng Viết và Nói, việc triển khai thường đã rất khó khăn trong điều kiện lớp đông trực tiếp. Ở lớp đông trực tuyến, hai kỹ năng này càng khó triển khai vì chúng phụ thuộc khá nhiều và sự tập trung của sinh viên và điều kiện trang thiết bị, sự thành thạo và sẵn sàng sử dụng các ứng dụng, công cụ, phương thức viết hay nói từ phía sinh viên.



Biểu đồ 8. Các kỹ năng thực hành tiếng mà giảng viên thấy dễ dàng triển khai hơn

Giảng viên cho rằng hạn chế của việc dạy các kỹ năng sản xuất nằm ở khả năng bao quát bài làm của người học. Một người chia sẻ rằng “với kỹ năng Viết, nếu đòi hỏi phải chấm bài hàng tuần, tôi sẽ chỉ có thể chấm đối một số bài mẫu và cho SV nhận xét các bài mẫu đó và rút kinh nghiệm” [Thạc sĩ, từ 30 đến 35 tuổi].

Khi được hỏi đề xuất về biện pháp giải quyết khó khăn trong giảng dạy thực hành tiếng trực tuyến, giảng viên đưa ra nhiều ý kiến khác nhau, có thể sắp xếp thành 3 nhóm như sau:

- Giải pháp về hoạt động thực hành ngôn ngữ: Đây là nhóm giải pháp thu hút được nhiều ý kiến nhất của giảng viên. Họ đề xuất cách hiệu quả hóa lớp học thông qua việc sử dụng hoạt động nhóm nhỏ, cụ thể hóa nhiệm vụ theo tuần cho sinh viên, tăng cường các giải pháp giúp sinh viên chia sẻ, tương tác trên không gian mạng. Chẳng hạn, có giảng viên cho biết “đối với các lớp đông SV, với hoạt động Nói, tôi thường xuyên để SV hoạt động nhóm và đại diện lần lượt trình bày ý tưởng của nhóm” [Thạc sĩ, từ 30 đến 35 tuổi]. Một giảng viên nêu ra một bộ giải pháp về hoạt động ngôn ngữ sáng tạo. Thầy/Cô cho rằng “nên chia nhóm nhỏ & giao nhiệm vụ theo tuần. Tất cả các nhóm sẽ nhận xét các nhóm khác. 100% SV tham gia nhiệm vụ đánh giá các thành viên trong nhóm và nhóm khác. 100% SV viết Chiêm nghiệm (Reflective journal) về những phần mình đã học và chia sẻ kinh nghiệm cho các bạn khác. GV tăng cường nhiệm vụ đánh giá quá trình (Formative assessment) hơn nhiệm vụ đánh giá cuối kì (Summative assessment)” [Thạc sĩ, từ 30 đến 35 tuổi]. Bên cạnh đó, cũng có giảng viên nêu giải pháp có tính khái quát, cho rằng giảng viên cần “thường xuyên đổi mới công

tác giảng dạy, cập nhật nội dung và phương pháp dạy học mới, xu thế mới của thời đại; tìm hiểu nhu cầu của người học; chuẩn bị nội dung, hoạt động dạy học kỹ càng” [Thạc sĩ, từ 35 đến 40 tuổi].

- Giải pháp về công nghệ giảng dạy: Do việc giảng dạy phụ thuộc hoàn toàn vào nền tảng công nghệ, giảng viên đề xuất rằng người dạy cần “*nâng cao năng lực sử dụng CNTT, năng lực giảng dạy và trách nhiệm, niềm đam mê với công việc*” [Thạc sĩ, từ 35 đến 40 tuổi].

- Giải pháp về hỗ trợ giảng dạy: Giảng viên đề nghị rằng nhà trường và xã hội cần đầu tư hơn cho giáo dục. Có giảng viên thẳng thắn nhận định rằng “*cần có sự hỗ trợ của nhà trường và xã hội để đảm bảo sinh viên có đủ thiết bị học tập, chi trả thù lao nhiều hơn cho giảng viên, hỗ trợ máy tính laptop đạt chất lượng cho giảng viên*” [Thạc sĩ, từ 35 đến 40 tuổi].

Từ đó, có thể thấy giải pháp hàng đầu xuất phát từ chính người dạy. Trong bối cảnh sự phạm mới, thách thức mới, khả năng sáng tạo, sự năng động và linh hoạt của giảng viên cần được phát huy. Nguyên tắc hàng đầu là cần tối ưu hóa sự tham gia tích cực của sinh viên thông qua các sáng kiến giảng dạy và quản lý lớp học. Ngoài ra, nhà trường cũng cần nhìn thấy các khó khăn trên mà giảng viên đang phải đương đầu và nghiên cứu biện pháp giải quyết, hỗ trợ giảng viên vượt qua khó khăn, đảm bảo chất lượng giảng dạy. Các giải pháp từ phía nhà trường có thể bao gồm sự điều chỉnh quy mô lớp học để giảm tải số lượng sinh viên mà giảng viên phải đảm nhiệm, phối hợp một số giải pháp công nghệ khác nhau để nội dung đào tạo tiếp cận được đến từng sinh viên, đáp ứng được nhu cầu cá nhân theo hoàn cảnh của họ. Đồng thời, khoa/ tổ chuyên môn cần nghiên cứu phương pháp tiếp cận giảng dạy phù hợp để nâng cao được hiệu quả và chất lượng giảng dạy các kỹ năng sản xuất tiếng (productive skills) trong hoàn cảnh giảng dạy từ xa và lớp đông sinh viên.

5. Kết luận

Kết quả của nghiên cứu này đã phác họa phần nào bức tranh về những khó khăn của giảng viên khi giảng dạy những lớp thực hành tiếng Anh đông sinh viên trong bối cảnh trực tuyến, đồng thời tìm hiểu những giải pháp cho giảng viên và nhà trường.

Nghiên cứu này, trước hết, đã khẳng định thêm các nhận định về các khó khăn khác thường thấy trong các lớp đông sinh viên, như khó chú ý cụ thể đến cá nhân sinh viên hoặc khó cung cấp phản hồi tới sinh viên về bài làm và bài kiểm tra. Bên cạnh đó, nghiên cứu của chúng tôi chỉ ra rằng quan điểm thế nào về lớp đông vẫn chưa nhận được sự thống nhất cao, tuy nhiên với lớp thực hành tiếng Anh, một lớp đông có thể gồm trên 25 sinh viên. Khi giảng dạy lớp thực hành tiếng Anh đông sinh viên, giảng viên hay gặp vấn đề kỹ thuật, quản lý lớp - chủ yếu là các vấn đề xoay quanh sự tham gia thực chất của sinh viên vào giờ học. Vấn đề về sức khỏe tinh thần nổi bật nhất là giảng viên dễ mất kiên nhẫn do phải gọi sinh viên nhiều lần nhưng ít nhận được phản hồi mong đợi từ sinh viên. Đóng góp của nghiên cứu này còn ở sự phát hiện rằng kỹ năng tiếp thu để triển khai giảng dạy trực tuyến hơn rất nhiều so với các kỹ năng sản xuất tiếng. Kết quả này rất quan trọng trong việc đưa ra những giải pháp phù hợp khi giảng dạy từng kỹ năng.

Mặc dù nghiên cứu này có hạn chế là khảo sát được thực hiện trực tuyến và chưa thực hiện phân tầng cao hơn trong cỡ mẫu nghiên cứu, nhưng kết quả thu được đã cung cấp bằng chứng xác đáng để chúng tôi đưa ra các khuyến nghị về phát huy vai trò của người dạy từ đó có thể phát triển các hoạt động ngôn ngữ sáng tạo thu hút sự tham gia của người học theo cách tích cực và thực chất. Khi người học quan tâm và học thật sự thì các vấn đề về kỷ luật lớp học, chất lượng giảng dạy, sức khỏe tinh thần của giảng viên và thiếu cân bằng về kỹ năng ngôn ngữ (nghe, đọc và nói, viết) mới có thể được giải quyết. Nghiên cứu cũng đề nghị nhà trường và khoa/ tổ bộ môn cần nhìn nhận các thách thức mà giảng viên gặp phải và hỗ trợ cho họ không chỉ về công nghệ, mà còn về tổ chức lớp học và phương pháp giảng dạy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Bendow, J., Mizrachi, A., Oliver, D., & Said-Moshiro, L.S. (2007), Large class sizes in the developing world: What do we know and what can we do? *American Institutes for Research*, 1-11.

2. Le Van Canh et al (ed.) (2019), *Building Teacher Capacity in Vietnamese English Language Teaching: Research, Policy and Practice*, Routledge Critical Studies Routledge.
3. Hayes, D. (1997), Helping teachers to cope with large classes. *ELT Journal*, 51(2), 106-116. DOI:10.1093/elt/51.2.106
4. Khan, P., & Iqbal, M. (2012), Overcrowded classroom: A serious problem for teachers, *Elixir International Journal of Educational Technology*, 49, 10162-10165.
5. Küçükler1, H. & Kodal A. (2019), Foreign Language Teaching in Over-Crowded Classes, *English Language Teaching*, Vol. 12, No. 1; 2019, ISSN 1916-4742 E-ISSN 1916-4750.
6. Leah, J. (2018), *The Problems and Solutions to Overcrowding in Modern Cities*, Research Paper - 1286 Words. Retrieved from <https://www.studymode.com/essays/The-Problems-And-Solutions-Of-Overcrowding-1137942.html>.
7. LoCastro, V. (2001), Teaching English to large classes: Large classes and student learning. *TESOL Quarterly*, 35(3), 493-496.
8. Makielski, A. (2018), *The Problem With Overcrowded Classrooms*, Retrieved from <http://www.theprospect.net/the-problem-with-overcrowded-classrooms-11001>.
9. May, L. (2018), Effects of Overcrowded Classrooms On Teacher- Student Interactions; From www.academia.edu/4550569/Effects_Of_Overcrowded_Classrooms_On_Teacher-Student_Interactions
10. Trương Trần Minh Nhật (2018), "Thực trạng kĩ năng nói tiếng Anh và đề xuất một số hoạt động tự rèn luyện nói tiếng Anh ngoài lớp học cho sinh viên chuyên ngành kĩ thuật Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh", Tạp chí *Giáo dục*, Số 435, tr.54-59.
11. Shah, J., & Inamullah, M. (2012), The impact of overcrowded classroom on the academic performance of the students at secondary level. *International Journal of Research in Commerce, Economics and Management*, 2(6), 9-12.
12. Shehu, H., & Tafida, A. G. (2016), Creative strategies for effective language teaching in large classes. *Journal of Research in Humanities and Social Science*, 4(3), 72-79.
13. Todd, R. (2012), The effects of class size on English learning at a Thai university, *ELT Research Journal*, 1(1), 80-88, at <http://www.udead.org.tr/journal>.
14. Zou, B., Huang, L., Ma, W., and Qiu, Y. (2021), Evaluation of the effectiveness of EFL online teaching during the COVID-19 pandemic, *SAGE Open*, DOI: 10.1177/21582440211054491

Some problems of teaching in large online English skill classes at university in Vietnam

Abstract: In teaching English language skills, large-sized classes of students are always concerned by the teachers. Context of the large online classes may even be more troublesome for teachers. This study investigates the opinions of 60 teachers who are teaching English language skills at a number of universities in Vietnam about the problems they encounter while teaching large classes online through a structured questionnaire including some open-ended questions. This research shows that most teachers face multiple problems regarding technical and technological aspects, maintaining class discipline, level of individual attention to learners, feedback to students about the tests and the teachers' mental health. Accordingly, it recommends that more intensive training is needed for teachers on how to work with large online classes, support the teachers, and especially develop more innovative language activities to improve teaching quality in remote working conditions of online teaching.

Key words: large-sized class; English language skills; online teaching; classroom discipline; feedback; mental health.